

CHÍNH PHỦ
Số: 161/2005/NĐ-CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2005

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật
và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật**

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 12 tháng 11 năm 1996 và
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật
ngày 16 tháng 12 năm 2002;
Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng và phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 1996 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2002 về một số quy định chung trong việc soạn thảo, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, về quyền hạn, trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan có liên quan trong việc lập dự kiến của Chính phủ về chương trình xây dựng luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội (sau đây gọi chung là

chương trình xây dựng luật, pháp lệnh) trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội; lập chương trình xây dựng nghị quyết, nghị định của Chính phủ; trình tự, thủ tục soạn thảo luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội; trình tự, thủ tục soạn thảo, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ.

Điều 2. Dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật

Dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (sau đây gọi chung là dự án, dự thảo) quy định tại Nghị định này là dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội do Chính phủ trình; dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ; dự thảo văn bản quy phạm pháp luật liên tịch mà Bộ, cơ quan ngang Bộ là một bên ký ban hành hoặc dự thảo nghị quyết liên tịch giữa Chính phủ với cơ quan trung ương của tổ chức chính trị - xã hội.

Điều 3. Văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước ở trung ương

1. Văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước ở trung ương theo quy định tại Nghị định này phải có đầy đủ các yếu tố sau đây:

- a) Do cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền ban hành theo hình thức quy định tại Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;
- b) Được ban hành theo thủ tục, trình tự quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, các quy định của Nghị định này và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan,
- c) Có chứa quy tắc xử sự chung, được áp dụng nhiều lần đối với mọi đối tượng hoặc một nhóm đối tượng và có hiệu lực trong phạm vi toàn quốc hoặc từng địa phương (quy phạm pháp luật);
- d) Được Nhà nước bảo đảm thực hiện bằng các biện pháp theo quy định của pháp luật.

2. Các văn bản do cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền ban hành, nhưng không có đầy đủ các yếu tố của văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều này, như: nghị quyết của Quốc hội về chương trình xây dựng luật, pháp lệnh và nghị quyết về điều chỉnh chương trình xây dựng luật, pháp lệnh; nghị quyết của Chính phủ về chương trình xây dựng nghị quyết, nghị định; nghị quyết về điều chỉnh chương trình xây dựng nghị quyết, nghị định của Chính phủ; nghị định của Chính phủ phê chuẩn đơn vị bầu cử và số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh); nghị quyết của Quốc hội về miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc phê duyệt kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội và các chức vụ khác; quyết định phê duyệt đề án khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính của cơ quan, đơn vị; quyết định về thành lập cơ quan, đơn vị; quyết định giao chỉ tiêu kinh tế - xã hội cho cơ quan, đơn vị; quyết định thành lập các Ban Chỉ đạo, Hội đồng, Ủy ban lâm thời để thực hiện nhiệm vụ trong một thời gian xác định; lệnh công bố luật, pháp lệnh của Chủ tịch nước; quyết định phê duyệt điều lệ của hội, tổ chức phi Chính phủ; quyết định lên lương, khen thưởng, kỷ luật, điều động công tác; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, cho từ chức, tạm đình chỉ công tác cán bộ, công chức; quyết định phê chuẩn kết quả bầu cử các thành viên Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; quyết định xử lý vi phạm hành chính; văn bản quy phạm nội bộ của cơ quan, đơn vị; văn bản cá biệt để phát động phong trào thi đua, biểu dương người tốt, việc tốt; văn bản cá biệt có tính chất chỉ đạo, điều hành hành chính hoặc để hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ và các văn bản cá biệt khác để giải quyết vụ việc cụ thể đối với đối tượng cụ thể thì không phải là văn bản quy phạm pháp luật và không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này.

3. Văn bản có chứa quy phạm pháp luật theo quy định tại điểm c nhưng không có đủ các yếu tố được quy định tại các điểm a, b, d khoản 1 điều này như công văn, thông báo, điện báo, hướng dẫn và các giấy tờ hành chính khác thì phải bị đình chỉ thi hành và xử lý kịp thời theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật

1. Văn bản quy phạm pháp luật do các cơ quan nhà nước cấp dưới ban hành phải phù hợp với Hiến pháp và văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên; văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan nhà nước cùng cấp về cùng một vấn đề phải phù hợp với văn bản của cơ quan nhà nước có chức năng quản lý chuyên ngành về vấn đề đó.

2. Văn bản quy phạm pháp luật không đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật phải được kịp thời đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ, huỷ bỏ, sửa đổi theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Số và ký hiệu của văn bản quy phạm pháp luật

1. Văn bản quy phạm pháp luật khi ban hành phải được đánh số thứ tự theo năm ban hành và có ký hiệu riêng cho từng loại văn bản.

2. Việc đánh số thứ tự phải bắt đầu từ số 01 theo từng loại văn bản của năm ban hành loại văn bản đó.

Văn bản quy phạm pháp luật liên tịch được đánh số thứ tự theo số văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan chủ trì soạn thảo.

3. Ký hiệu văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ ban hành, văn bản quy phạm pháp luật liên tịch được quy định như sau: số thứ tự của văn bản/năm ban hành (ghi đầy đủ số của năm)/ tên viết tắt của văn bản - tên viết tắt của cơ quan ban hành văn bản - cơ quan liên tịch ban hành văn bản.

4. Tên viết tắt của văn bản quy phạm pháp luật và tên viết tắt của cơ quan ban hành văn bản quy phạm pháp luật được quy định như sau:

a) Về tên viết tắt của văn bản quy phạm pháp luật:

- Nghị quyết viết tắt là NQ;
- Nghị định viết tắt là ND;
- Quyết định viết tắt là QĐ;
- Chỉ thị viết tắt là CT;
- Thông tư viết tắt là TT;
- Nghị quyết liên tịch viết tắt là NQLT;

- Thông tư liên tịch viết tắt là TTLT.

b) Về tên viết tắt của cơ quan ban hành văn bản quy phạm pháp luật:

- Chính phủ viết tắt là CP;

- Thủ tướng Chính phủ viết tắt là TTg;

- Đối với tên của Bộ, cơ quan ngang Bộ thì viết tắt bằng chữ in hoa chữ cái đầu tiên của từng chữ trong tên các Bộ, cơ quan ngang Bộ; đối với tên các Bộ, cơ quan ngang Bộ có liên từ "và" thì không viết tắt liên từ đó;

- Đối với tên của các cơ quan liên tịch thì viết tắt bằng chữ in hoa tên của cơ quan chủ trì soạn thảo; tên viết tắt bằng chữ in hoa tên của từng cơ quan tham gia ban hành văn bản liên tịch theo thứ tự chữ cái tiếng Việt.

Điều 6. Thời điểm có hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật

1. Việc xác định thời điểm có hiệu lực của luật, nghị quyết của Quốc hội; pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; văn bản quy phạm pháp luật của Chủ tịch nước được thực hiện theo quy định tại các khoản 1 và 2 Điều 75 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Trong trường hợp văn bản quy phạm pháp luật có điều, khoản cần phải được quy định chi tiết thì ngay tại điều, khoản đó phải xác định rõ cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và thời hạn ban hành văn bản quy định chi tiết.

Thời điểm có hiệu lực của văn bản quy định chi tiết phải tương ứng với thời điểm có hiệu lực của văn bản được quy định chi tiết.

Trong trường hợp vì lý do khách quan mà văn bản quy định chi tiết chưa được ban hành thì trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày văn bản được quy định chi tiết có hiệu lực, văn bản quy định chi tiết phải được ban hành. Quy định này chỉ áp dụng đối với văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật, nghị quyết của Quốc hội; pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; văn bản quy phạm pháp luật của Chủ tịch nước. Thời điểm có hiệu lực của văn bản quy định chi tiết trong trường hợp này được xác định theo quy định tại các điểm a, đ, e khoản 2 Điều này.

2. Văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ; văn bản quy phạm pháp luật liên tịch mà Chính phủ,